

Căn cứ khoa học về chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

GS.TSKH VŨ MINH GIANG

Đại học Quốc gia Hà Nội

Mặc dù Trung Quốc đã có những cố gắng trong việc tập hợp lực lượng và tổ chức nghiên cứu để xây dựng luận chứng khoa học và cơ sở pháp lý về chủ quyền của Trung Quốc trên hai quần đảo mà họ gọi là Tây Sa và Nam Sa, nhưng những luận lý mà họ đưa ra ngày càng bộc lộ những nhược điểm và hạn chế. Tư liệu được tập hợp và trích dẫn của Trung Quốc phần nhiều bị cắt xén, gán ghép, giải thích tư biện và khiên cưỡng, đó là chưa kể đến những mâu thuẫn giữa tư liệu này và tư liệu khác. Không phải ngẫu nhiên mà trong giới học giả quốc tế ngày càng có nhiều người phản bác luận lý của Trung Quốc, thậm chí ngay cả học giả Trung Quốc cũng đã có người lên tiếng phê phán. Trong khi đó, những tư liệu của phương Tây (những nước trung gian) và tư liệu của Việt Nam lại có cơ sở vững chắc, phong phú, nhất quán khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đây là những luận cứ khoa học mang tính chân lý khách quan, cho thấy sự đóng góp không nhỏ của giới khoa học.

Thái Bình Dương là đại dương không hề yên bình như tên gọi của nó. Dưới đáy biển có rất nhiều miệng núi lửa bao quanh lòng chảo với tổng chiều dài lên tới trên 4 vạn km, tạo nên một vành đai địa chấn (hay còn gọi là vòng cung lửa), là nguyên nhân thường xuyên gây ra những trận động đất, sóng thần khủng khiếp. Riêng trận động đất và sóng thần Tohoku (Nhật Bản) năm 2011 đã lấy đi sinh mạng của gần 16 nghìn người, khiến cho gần 1 vạn người mất tích, hàng triệu gia đình mất nhà cửa, với thiệt hại vật chất lên tới nhiều tỷ USD cùng những hậu quả nặng nề mà nhiều thập niên nữa chưa chắc đã khắc phục được. Đây cũng là vùng nhiều bão nhất thế giới, trong đó những cơn bão có cường độ mạnh chiếm tới trên 70%. Cũng do đặc điểm này mà sự thành tạo các đảo ở Thái Bình Dương cũng khác các nơi khác. Với khoảng 25.000 đảo lớn nhỏ, Thái Bình Dương có số đảo nhiều hơn số đảo của tất cả

các đại dương khác cộng lại.

Trong những thập niên gần đây, cùng với biến động của lòng đất và sóng biển, cuộc chạy đua tranh chấp chủ quyền biển đảo cũng đang làm cho biển Đông và cả Thái Bình Dương, vốn đã không bình lặng lại càng thêm sục sôi. Song song với việc tăng cường sức mạnh quân sự, các nước cũng đẩy mạnh việc nghiên cứu, xây dựng chứng cứ cho các lập luận về chủ quyền của mình. Trung Quốc là nước đi đầu và rất chú ý đầu tư cho việc làm này.

Những viện dẫn của học giả Trung Quốc

Ngay từ khi cho quân đội đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa vào năm 1974, Trung Quốc đã huy động một lực lượng đông đảo các học giả dưới sự lãnh đạo của Hàn Chấn Hoa tiến hành kê cứu và biên soạn một cuốn sách đồ sộ, ra sức chứng minh hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

(mà Trung Quốc gọi là Tây Sa và Nam Sa) thuộc chủ quyền Trung Quốc. Năm 1985, bộ sách hoàn thành và được phát hành tại Nhà xuất bản trường đại học Hạ Môn, dưới danh nghĩa Viện Nghiên cứu Nam dương. Và như một sự phối hợp có chủ đích, cùng với hành động quân sự tấn công chiếm đảo Gạc Ma thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam, năm 1988 bộ sách tư liệu nêu trên dưới đầu đề *Ngã quốc nam hải chư đảo sử liệu hồi biên* (Tập hợp các sử liệu về các đảo của nước ta ở vùng biển phía nam) được in lại và phát hành với số lượng lớn bởi Nhà xuất bản Đông Phương¹. Tập sách dày gần 1.000 trang này đã nhanh chóng trở thành cơ sở lập luận chủ yếu cho các tuyên bố ngoại giao, những quyết định chính trị của Trung Quốc trong các vấn đề liên quan đến Hoàng Sa, Trường Sa và biển Đông nói chung.

Trước khi nói về căn cứ khoa học khẳng định chủ quyền của Việt Nam cần xem xét những luận lý của các

học giả Trung Quốc về vấn đề này. Vậy căn cứ và lập luận chủ yếu của các tác giả cuốn sách là gì?

Không khó khăn lắm để thấy rằng, tư tưởng xuyên suốt của cuốn sách là cố chứng minh người Trung Quốc đã phát hiện, đặt tên các đảo và chiếm hữu hai quần đảo này từ thời Đông Hán, cách ngày nay gần 2.000 năm. Sau đó đến các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, và nhất là từ triều Thanh đến nay, Trung Quốc liên tục thực thi chủ quyền trên hai quần đảo này. Phương pháp nhất quán của các tác giả cuốn sách trên là không nói rõ bối cảnh lịch sử, trích dẫn cắt xén tư liệu để người đọc khó hình dung được bối cảnh lịch sử, ngữ cảnh nguyên tác, rồi giải thích ý nghĩa những đoạn trích ấy theo ý mình.

Có thể dẫn ra đây một số ví dụ rất điển hình.

Cuốn sách sớm nhất được các học giả Trung Quốc dẫn ra làm căn cứ về “chủ quyền” của Trung Quốc trên hai quần đảo là *Dị vật chí* (ghi chép về những vật lạ) của Dương Phù thời Đông Hán (23-220). Câu được chép ra là: “*Trướng hải kỳ đầu thủy thiên nhi đa từ thạch...*” (漲海崎頭水淺而多磁石..., có nghĩa là *Biển sóng triều dâng gập ghềnh đá ngầm, nước cạn mà nhiều đá nam châm...*). Các tác giả giải thích rằng, *Trướng hải* là tên gọi biển Đông của người Trung Quốc thời đó và vùng đá ngầm dưới có từ tính nam châm là chỉ hai quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa). Tài liệu này được dẫn lại ở rất nhiều nơi, đăng cả trên trang thông tin của Bộ Ngoại giao Trung Quốc với lập luận hai quần đảo này do người dân Trung Quốc phát hiện và đặt tên sớm nhất (từ thời Đông Hán).

Tương tự như vậy, để củng cố cho lý lẽ trên, Hàn Chấn Hoa và các tác giả sách *Ngã quốc nam hải chư đảo sử liệu hồi biên* còn trích ra nhiều câu khác trong sách cổ thời Tam quốc, thời Tùy, thời Đường như *Phù Nam truyện* của Khang Thái, *Ngô lục* của Trương Bột, *Nhĩ nhĩ* của Quách Phác... nói

việc người thời ấy đã viết trong *Trướng hải* (tên biển Đông theo cách gọi của người Trung Quốc) có san hô, có đồi mồi, có ốc lớn bằng cái đầu, vỏ có thể dùng để uống rượu²... để suy diễn xa hơn rằng trong sách của mình, Quách Phác đã chú thích vùng biển nói tới ở đây là vùng biển của quận Nhật Nam (vùng đất từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi), rằng người Trung Quốc thời ấy đã biết đến hai quần đảo (thời gian này Nhật Nam đang thuộc Hán).

Những câu trích dẫn này thực ra chỉ là những ghi chép về các hiện tượng mà các tác giả đương thời cho là hay, là lạ (dị vật), chứ hoàn toàn không có ý nghĩa gì về việc phát hiện, đặt tên đảo nên không thể coi là chứng lý về chủ quyền và càng không phải là bằng chứng của việc chính quyền thực thi chủ quyền trên hai quần đảo này.

Từ năm 960, triều Tống thiết lập quyền thống trị trên toàn cõi Trung Hoa. Những tư liệu lịch sử từ thời kỳ này về chủ quyền là rất đáng lưu ý. Tuy nhiên, các tư liệu được các học giả Trung Quốc đưa ra cũng thiếu tính thuyết phục. Đa số những câu trích có nhắc đến hai quần đảo Vạn Lý Trường Sa và Thiên Lý Thạch Đường (mà Trung Quốc nói là tên khác của Tây Sa/Hoàng Sa và Nam Sa/Trường Sa) đều xuất hiện trong các hải trình, được mô tả trong các sách của tác giả Trung Quốc, nhưng nói về nước ngoài, hoặc liên quan đến nước ngoài (không phải Trung Quốc) như *Lĩnh ngoại đại đáp* của Chu Khứ Phi, *Chư phiên chí* của Triệu Nhữ Quát. Đúng như tên gọi của những sách này, “*Lĩnh ngoại*” là ngoài biên giới Trung Quốc, nói về những chuyện bên ngoài. “*Chư phiên*” là các nước Trung Quốc cho là chư hầu của mình, chuyện chép về các nước xung quanh mình. Do vậy, những mô tả về biển đảo hoặc hải trình đi tới các nước như Giao Chỉ, Chiêm Thành, Chân Lạp thì tên các quần đảo Vạn Lý Thạch Đường, Thiên Lý Trường Sa (mà Trung Quốc cho là Tây Sa và Nam Sa) được nhắc

đến để chỉ vị trí hoàn toàn không có ý nghĩa trong việc xác định chủ quyền của Trung Quốc. Đây là chưa kể từ ngữ dùng trong các sách này cho thấy tác giả cũng chỉ nghe truyền lại, chứ không biết đích xác ra sao: “*Nghe truyền rằng* [nguyên ngữ 傳聞: truyền văn] *biển lớn phía đông có Trường Sa Thạch đường rộng vạn dặm, nước thủy triều thi triển đầy vào chốn cửa ư*”³.

Các sử liệu đời sau được biên soạn vào thời Nguyên, Minh được tập hợp trích dẫn, về cơ bản cũng theo cung cách như vậy. Tất cả các đoạn trích dẫn ra đều được giải thích theo chủ ý của người dẫn. Người đọc khó có thể bị thuyết phục bởi cách giải thích ấy. Nhiều học giả trong và ngoài nước đã có những phân tích xác đáng và đều nhận định khá thống nhất rằng, kiểu cách tập hợp, trích dẫn và giải thích sử liệu của nhóm tác giả Hàn Chấn Hoa không theo các nguyên tắc khoa học mà có dụng ý chủ quan, cắt xén, lắp ghép tùy tiện và giải thích gượng ép⁴. Có thể nói, luận lý của các học giả Trung Quốc về chủ quyền của họ đối với hai quần đảo đang nói ở đây có từ thời Đông Hán và được thực thi suốt từ đó đến nay ngày càng ít người quan tâm vì tính chất phi lý, phản khoa học của nó và vì vậy, phía Trung Quốc cũng không nói tới nó nhiều.

Trong thời gian gần đây, Trung Quốc ra sức đề cao sự kiện Đô đốc nhà Thanh là Lý Chuẩn đưa quân ra Tây Sa (Hoàng Sa) kéo cò, bắn pháo vào năm 1909 và coi đó là mốc thời gian xác lập chủ quyền của Trung Quốc đối với quần đảo này. Sự kiện này chẳng còn mấy ý nghĩa vì thời điểm diễn ra vào đầu thế kỷ XX, khi mà Việt Nam đã có rất nhiều tư liệu khẳng định chủ quyền và thực thi chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ trước đó nhiều thế kỷ (sẽ trình bày ở phần dưới). Và lại, chính việc đề cao này lại tự nó bác lại những lập luận mà các học giả Trung Quốc phải dày công xây dựng tư liệu để chứng minh Tây Sa và Nam Sa đã được người Trung Quốc phát hiện và

sở hữu từ thời Hán, cách ngày nay tới vài nghìn năm.

Tháng 2.1948, Vụ Biên giới và lãnh thổ, Bộ Nội vụ của Trung Hoa dân quốc cho xuất bản bản đồ có tên *Bản đồ vị trí các đảo Nam hải* (南海诸岛位置图) với 9 đường đứt khúc (thường gọi là đường lưỡi bò) chiếm khoảng 75% mặt nước biển Đông, ôm trọn hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Bản đồ này được vẽ dựa trên cơ sở một bản đồ cá nhân vẽ trước đó vài chục năm với 11 đoạn đứt khúc, sau bỏ đi 2 đoạn nằm trong vịnh Bắc Bộ. Mặc dù đường 9 đoạn đang được dùng như một “căn cứ không thể chối cãi” về chủ quyền của Trung Quốc trên hai quần đảo, nhưng tính chất phi lý, phản khoa học của nó đang bị phê phán rất mạnh mẽ. Trong thời gian gần đây, lý lẽ khoa học của Trung Quốc không thấy có gì mới, chủ yếu chỉ là những tuyên bố theo kiểu “Trung Quốc có chủ quyền không thể chối cãi” mà thôi.

Những tư liệu phương Tây về chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa

Ngay từ thế kỷ XVI, Thái Bình Dương đã trở nên rất quen thuộc với người phương Tây, họ đã có thể vẽ khá chính xác bản đồ châu Á với những ghi chú thể hiện sự hiểu biết sâu sắc các tuyến đường tàu thuyền của họ thường xuyên qua lại. Vừa qua, tại một số địa phương, 56 bản đồ cổ được các nhà hàng hải châu Âu vẽ từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX được trưng bày mới chỉ là một phần trong số đó. Tất cả những bản đồ này đều thể hiện hoặc chú thích đích xác hai quần đảo Paracel hay Paracels (Hoàng Sa) và Pratley (Trường Sa) là thuộc Ciampa (phiên âm tên Champa, một vương quốc cổ tương đương với miền Trung Việt Nam) hay Cochinchine (tương đương với vùng đất Nam Bộ, còn được dịch là vương quốc Đàng Trong). Có rất nhiều tài liệu của các nước châu Âu phản ánh chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng



Một phần đảo Trường Sa lớn

Sa và Trường Sa. Xin đơn cử ra đây một số tư liệu được dẫn theo trình tự thời gian.

Trước hết là sự kiện chiếc tàu Grootebroek của Hà Lan trên đường đi từ Battavia (Indonexia) tới Turon (Đà Nẵng) bị đắm ở khu vực Paracels (Hoàng Sa) vào năm 1634. Những thủy thủ sống sót đã đưa được 4 thùng bạc lên một đảo lớn ở Paracel, sau đó cử một nhóm 12 người đi thuyền nhỏ vào Phú Xuân gặp chúa Nguyễn Phúc Nguyên xin trợ giúp. Chúa đã cho phép họ thuê tàu trở lại đảo đón 50 thủy thủ và lấy 4 thùng bạc. Câu chuyện phản ánh rõ chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa này được J.M. Buch khai thác trong các tài liệu của Công ty Đông Ấn (Hà Lan) và công bố trên tạp chí của Trường Viễn Đông bác cổ của Pháp vào năm 1936⁵.

Năm 1701 một người Pháp là Jean Yves Clayes trong nhật ký của mình đã mô tả rất cụ thể các bãi đá ngầm và ghi rõ: “Paracel là một quần đảo thuộc Vương quốc An Nam”⁶.

Vào giữa thế kỷ XVIII, có một nhân vật rất nổi tiếng là giáo sĩ kiêm thương nhân Pierre Poivre. Nhờ những cuốn sách và bài viết của ông mà người Pháp đã có sự quan tâm đặc biệt đến Việt Nam. Ngay cả đến Thomas Jefferson, vị đại sứ Hoa Kỳ tại Pháp, sau trở thành Tổng thống của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, khi đọc P. Poivre cũng bị cuốn hút vào xứ sở này. Năm 1803, ngay sau khi đắc cử, vị tân Tổng thống đã cử một phái bộ đem theo dự thảo Hiệp định thương mại đến Việt Nam với hy vọng thiết lập quan hệ

hợp tác, nhưng việc không thành.

P.Poivre có điều kiện thường xuyên qua lại Việt Nam và từng được chúa Nguyễn Phúc Khoát tiếp tại kinh thành Phú Xuân. Một trong những cuốn sách của ông là *Mémoire sur La Cochinchine* (Ký ức về Đàng Trong) xuất bản tại Paris năm 1744, đã nói đến việc nhiều khẩu thần công bố trí trên tường kinh thành mà ông tận mắt trông thấy, là của các con tàu phương Tây bị đắm được lấy về từ Paracel. Trong một tập tài liệu được viết ra sau đó, Đô đốc M. d'Estaing cũng có nhận xét tương tự: “Xung quanh thành [Phú Xuân - VMG] có một nơi để rất nhiều đại bác, nhiều khẩu là được để trang trí hơn là để sử dụng. Người ta cho rằng số súng đó có thể tới 400 khẩu, một phần được đúc bằng gang, một số lớn là của Bồ Đào Nha được lấy về từ các vụ đắm tàu trước kia ở quần đảo Paracels”⁷. Đây là những nhận xét khách quan nhưng lại là những chứng cứ hết sức thuyết phục về thành quả những chuyến công tác của Đệi Hoàng Sa mà các chúa Nguyễn đã tổ chức ra để thực thi chủ quyền trên hai quần đảo.

Jean Baptiste Chaigneau, một người rất am hiểu tình hình Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu XX đã có một bản tường trình cho Bộ Ngoại giao Pháp về triều Nguyễn vào tháng 5.1820, trong đó có đoạn viết: “Vua ngày nay [tức vua Gia Long - VMG] đã lên ngôi hoàng đế [của một nước - VMG] gồm Đàng Trong cũ (Cochinchina), xứ Đàng Ngoài cũ (Tonkin), một phần vương quốc Campuchia, một số hòn đảo có người ở không xa bờ và quần đảo Paracels hợp thành bởi những đảo

nhỏ, ghenh và đá hoang vắng”⁸.

Năm 1837, Giám mục Jean Louis Taberd có một bài viết về Việt Nam, trong đó có đoạn viết về quần đảo Hoàng Sa như sau: “*Paracel hay Paracels là một mê cung đầy những đảo nhỏ, đá và bãi cát trải trên một khu vực đến 11 độ vĩ Bắc, 107 độ kinh Đông... Người Cochinchina gọi quần đảo này là Côn Vàng. Tuy quần đảo này không có gì ngoài tảng đá và những cồn lớn, nó hứa hẹn nhiều bất tiện hơn thuận lợi, Vua Gia Long vẫn nghĩ rằng, ông sẽ tăng thêm lãnh thổ bằng cách chiếm thêm cái đất buồn bã này. Năm 1816, ông đã tới long trọng cấm cò và chính thức chiếm hữu mà hình như không một ai tranh giành với ông*”⁹. Ở đây, J. L. Taberd nói tới sự kiện vua Gia Long giao cho quân đội ra làm cột mốc, cấm cò vào năm 1819, còn việc củng cố hoạt động của đội Hoàng Sa được thành lập bởi các chúa Nguyễn từ thế kỷ XVII thì ông đã quan tâm ngay từ khi mới lên ngôi (1802).

Năm 1838, chính vị giám mục này cho công bố tấm bản đồ, trên đó chú thích rõ quần đảo ở vị trí Hoàng Sa là “*Paracel seu Cát Vàng*” (*Paracel hay Cát Vàng*). Cát Vàng là tên thuần Việt mà trên các văn bản chính thức gọi là Hoàng Sa. Đây là chứng lý xác đáng cho việc người Việt đã đặt tên cho quần đảo mà người phương Tây gọi là Paracel.

Vào năm 1849, TS Gutzlaf - Hội địa lý Hoàng gia Luân Đôn đã biên soạn một cuốn sách về Địa lý vùng đất phía Nam của Việt Nam, có đoạn nói về Hoàng Sa như sau: “*...Quần đảo Paracel (Kát Vàng), ở ngoài khơi bờ biển An Nam, lan giữa 15 đến 17 độ vĩ Bắc và 111 đến 113 độ kinh Đông... Không biết vì san hô hay vì lẽ khác mà các ghenh đá ấy lớn dần, nhưng rõ ràng nhận thấy rằng các đảo nhỏ ấy càng năm càng cao, và một vài đảo bây giờ đã có người ở thường xuyên, thế mà chỉ mấy năm trước sóng đã vỗ mạnh trào qua... Chính phủ An Nam thấy những mối lợi có thể mang lại nếu đặt*

ra một ngạch thuế bèn lập ra những trường thuyền và một trại quân nhỏ ở chỗ này để thu thuế mà mọi người ngoài tới đây đều phải nộp, và để bảo trợ người đánh cá bản quốc...”¹⁰.

Giữa thế kỷ XIX, cuốn *Địa lý đại cương*, một bộ sách đồ sộ của nhà địa lý học Italia nổi tiếng Adriano Balbi đã được xuất bản ở Livorno. Trong phần mô tả về địa lý Vương quốc An Nam có ghi: “*Thuộc Vương quốc này có quần đảo Paracels [Hoàng Sa - VMG], nhóm đảo Pirati [đảo Hải tặc - VMG] và nhóm đảo Poulo Condor [Côn Đảo - VMG]*”. Trong khi đó, đoạn mô tả về địa lý Trung Hoa, mặc dù rất dài, nhưng tác giả không đề cập gì đến Hoàng Sa và Trường Sa¹¹.

Tư liệu lịch sử về việc Trung Quốc tự phủ nhận chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Trong khi các tư liệu của Việt Nam luôn nhất quán với tên gọi của hai quần đảo là Hoàng Sa (hay tên Nôm là Cát Vàng hay Côn Vàng) và Trường Sa (hay Vạn lý Trường Sa), được đồng nhất với các tên gọi của phương Tây là Paracels và Pratley thì tên gọi do Trung Quốc đặt lại rất hỗn loạn. Tên Tây Sa và Nam Sa xuất hiện rất muộn. Đã vậy, trong nhiều tài liệu của mình, Trung Quốc tự phủ nhận chủ quyền trên hai quần đảo này (thực ra là không từng có trong lịch sử).

Chúng có rõ nhất là trên các bản đồ của Trung Quốc. Không kể những tập bản đồ được vẽ sớm hoàn toàn không có bất cứ dấu hiệu gì về hai quần đảo, đến tận thời triều Thanh trị vì vào những năm 1894, 1904, 1908 và dưới thời Trung Hoa dân quốc vào năm 1919, có hàng loạt bản đồ do Trung Quốc vẽ vừa được triển lãm rộng rãi, không hề có hai quần đảo Hoàng Sa (mà Trung Quốc gọi là Tây Sa) và Trường Sa (mà Trung Quốc gọi là Nam Sa). Sự kiện này đã gây ấn tượng mạnh cho người xem cả trong và ngoài nước. Càng bất ngờ hơn khi giới nghiên cứu trung ra bộ Atlas được in trong trong sách *Trung*

hoa Dân quốc Bưu chính dư đồ, xuất bản năm 1933 cũng hoàn toàn không có hai quần đảo này. Như vậy là căn cứ trên những bản đồ chính thức do Trung Quốc in và phát hành thì chỉ ít đến tận những năm 30 của thế kỷ XX, địa giới cực nam của Trung Quốc vẫn chỉ là đảo Hải Nam. Điều này hoàn toàn phù hợp với tư liệu lịch sử do chính người Trung Quốc biên soạn, hoặc người phương Tây thuật lại.

Vào cuối thế kỷ XVII, một nhà sư Trung Quốc là Thích Đại Sán được chúa Nguyễn Phúc Chu mời đến Đàng Trong. Sau khi về nước ông đã cho xuất bản cuốn sách *Hải ngoại ký sự* vào năm 1695 kể về chuyến đi này. Trong tác phẩm của mình, nhà sư Trung Quốc đã nói rõ việc chúa Nguyễn tổ chức các đội binh thuyền ra Hoàng Sa và Trường Sa (mà ông gọi chung là Vạn lý Trường Sa) để “*thu lượm vàng bạc, khí cụ của các thuyền hư hỏng dạt vào*”¹².

Trong tác phẩm *Phủ Biên tạp lục*, ngoài những căn cứ khẳng định chủ quyền của chính quyền chúa Nguyễn trên hai quần đảo (sẽ trình bày sau), Lê Quý Đôn còn cho biết một chi tiết nói quan chức nhà Thanh thừa nhận chủ quyền Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa. Ông viết: “*Tôi đã từng thấy một đạo công văn của quan chính đường huyện Văn Xương Quỳnh Châu [Hải Nam, Trung Quốc - VMG] gửi cho Thuận Hóa nói rằng: năm Kiền Long thứ 18 (1753) có 10 tên quân nhân xã An Vĩnh đội Cát Liềm (có thể là Cát Vàng, tức đội Hoàng Sa - VMG) huyện Chương Nghĩa, phủ Quảng Ngãi, nước An Nam, ngày tháng 7 đến Vạn Lý Trường Sa tìm kiếm các thú, có 8 tên lên bờ tìm kiếm, chỉ để 2 tên giữ thuyền, bị gió đứt dây thuyền, dạt vào cảng Thanh Lan, quan ở đấy xét thực, đưa trả về nguyên quán. Nguyễn Phúc Chu sai cai bạ Thuận Hóa là Thúc Lượng Hầu làm thư trả lời*”¹³. Như vậy, chính quyền Quỳnh Châu sau khi biết rõ 2 người Việt là lính đang làm nhiệm vụ ở Hoàng Sa chẳng những không gây khó dễ hoặc trừng trị như đối với

những kẻ “xâm phạm chủ quyền quốc gia”, mà còn tạo điều kiện để trở về nước. Thời điểm đó là vào giữa thế kỷ XVIII.

Trong khoảng thời gian hai năm (1895-1896), tại khu vực quần đảo Hoàng Sa liên tục xảy ra hai vụ đắm tàu. Một của Đức, con tàu mang tên Bellona và một của Nhật Bản, tàu Imegi Maru. Cả hai tàu này đều mua bảo hiểm của Anh nên khi nghe tin dân Trung Quốc thừa cơ tàu bị nạn đã ra cướp bóc, công ty bảo hiểm và đại diện chính phủ Anh ở Trung Quốc đã yêu cầu phía Trung Quốc phải có trách nhiệm, nhưng họ đã từ chối với lý do: “...các đảo Paracels... không thuộc Trung Quốc... chúng không được sáp nhập về hành chính vào bất kỳ quận nào của Hải Nam...”¹⁴. Như vậy, nhà đương cục Hải Nam vô can với hậu quả của vụ cướp bóc, nhưng đồng thời sự kiện này cũng cho thấy, cho đến tận cuối thế kỷ XIX, nhà chức trách ở vùng đất cực nam của Trung Quốc hoàn toàn chưa có ý tưởng gì về chủ quyền của họ đối với Hoàng Sa (gần Trung Quốc hơn) chứ chưa nói đến Trường Sa (ở rất xa Trung Quốc).

Liên quan đến sự kiện này, một học giả Trung Quốc, ông Lý Lệnh Hoa thuộc Trung tâm Thông tin Hải dương Trung Quốc, có một nhận xét rất xác đáng trong tham luận đọc tại một hội thảo khoa học, xin được lược trích ra đây:

“Nói đến quyền lợi ở Nam Hải, chúng ta [Trung Quốc - VMG] thường thích nói một câu là: từ xưa đến nay thế này thế nọ, có lúc húng lên còn thêm vào hai chữ “thiên liêng”... nhưng chúng cứ thật sự có sức thuyết phục chính là sự kiểm soát thực tế. Anh nói chỗ đó là của anh, vậy anh đã từng quản lý nó chưa? Người ở đó có phục tùng sự quản lý của anh không? Có phải người khác không có ý kiến gì không? Nếu đáp án của những câu hỏi này đều là “có” thì anh thắng là điều chắc. Ở Nam Sa [tức Trường Sa

- VMG], chúng ta đã không có được điều đó...”

Vào thời nhà Thanh (đời Hàm Phong hoặc Đồng Trị), có một chiếc tàu hàng Pháp chở đồng đi qua vùng biển Tây Sa (tức Hoàng Sa - VMG) thì gặp cướp biển, bị cướp sạch. Theo quy tắc vận tải hàng hóa trên biển, họ phải đến gặp chính quyền sở tại để trình báo, đề nghị giúp bắt bọn cướp, đồng thời xin chính quyền nơi đó xác nhận làm bằng cứ để khi về báo cáo với chủ hàng và đòi hãng bảo hiểm bồi thường. Viên thuyền trưởng đưa tàu chạy đến cảng gần nhất là Du Lâm ở đảo Hải Nam, trình báo với tri phủ (có lẽ là tri huyện) địa phương.

Viên quan địa phương đó nói với thuyền trưởng rằng: “Nơi chúng ta đứng đây có tên là Thiên Nhai Hải Giác (chân trời góc biển). Đất của Thiên triều đến đây là hết rồi. Chuyện ông bị cướp ngoài biển biết là ở chỗ nào? Ông bị cướp, chúng tôi không chịu trách nhiệm, không quản được và cũng không muốn quản”.

Thế rồi tổng cổ vị thuyền trưởng bị cướp ra khỏi nha môn. Nhưng sự kiện đó cần phải có cái kết, nếu không về nước biết ăn nói ra sao? Viên thuyền trưởng đành phải cho tàu chạy vào cảng Hải Phòng. Quan chức địa phương ở đó rất tốt, xác nhận cho ông ta, lại còn cho tàu ra chạy lòng vòng, coi như đã truy bắt cướp.

Đó là chúng cứ gì? Đó chính là chúng cứ về kiểm soát và quản lý thực tế. Chúng cứ này nói lên Trung Quốc ngay từ triều Thanh đã không thừa nhận “Tây Sa” là lãnh thổ của mình, cũng không đảm trách công tác trị an ở đó. Còn chính quyền Việt Nam khi đó không những đã cho rằng “Tây Sa” là lãnh thổ của họ, mà còn thực thi công tác giữ gìn trật tự ở đó.

Điều đó chẳng phải đã chứng minh “Tây Sa” từ xưa đến nay đều thuộc về Việt Nam hay sao? Nếu bạn là đại biểu đàm phán của Trung Quốc, được huấn luyện đầy đủ về luật biển và luật quốc tế, trước những chứng cứ như thế thì phải làm thế nào? Chắc chắn sẽ muốn

có cỗ máy thời gian để quay trở lại thời đó bóp chết viên tri phủ kia!...¹⁵.

Năm 1974, Trung Quốc dùng vũ lực tấn công đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa. Ngay sau đó, chính quyền Trung Quốc đã cử một đoàn nghiên cứu lịch sử, khảo cổ trong đó có GS. Hàn Chấn Hoa ra khảo sát một số đảo. Trong công trình do mình chủ biên, ông đã đề cập tới ngôi chùa có tên Hoàng Sa tự trên đảo Vĩnh Hưng (tức đảo Phú Lâm theo tên của Việt Nam)¹⁶. Mặc dù tên chùa và các câu đối viết bằng chữ Hán (黃砂寺), nhưng lại là một trong những chứng cứ hết sức thuyết phục về chủ quyền Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa. Ngôi chùa này đã được báo chí Trung Quốc nói tới từ năm 1957, sau lần quân Trung Quốc đổ bộ lên Phú Lâm năm 1956, khi quân Pháp vừa thất bại trên chiến trường Việt Nam. Theo mô tả trong tạp chí “Lữ hành gia” quyển 6, xuất bản năm 1957 tại Bắc Kinh thì vào thời điểm ấy, trong chùa còn ghi niên đại trùng tu vào năm Bảo Đại 14 (1939). Dựa vào những ghi chép trong bộ Đại Nam thực lục chính biên, có thể biết ngôi chùa này đã được vua Minh Mệnh ra lệnh xây theo đề nghị của Bộ Công và tỉnh Quảng Ngãi. Người được giao phụ trách công việc này là cai đội Phạm Văn Nguyên. Lính và dân phu hai tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi đã chuyên chở vật liệu từ đất liền ra xây¹⁷.

Tư liệu Việt Nam có cơ sở vững chắc và ngày càng thêm phong phú

Hoàng Sa và Trường Sa là hai quần đảo xuất hiện trên các bản đồ hàng hải phương Tây trước thế kỷ XVII hầu hết đều đi liền với tên gọi Ciampa hay Campa. Điều có nghĩa những đảo này từng gắn rất chặt với vương quốc Champa, sau này trở thành một bộ phận của nước Việt Nam.

Cũng từ thế kỷ XVII Việt Nam cũng đã có bản đồ thể hiện hai quần đảo. Đó là Bộ Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư do Đỗ Bá Công Đạo vẽ vào năm Chính Hòa 7 (1686). Trên

bản đồ, quần đảo Hoàng Sa được ghi bằng chữ Nôm là Bãi Cát Vàng (葛鑽) còn Trường Sa là Vạn lý Trường Sa. Phần chú giải tác giả viết: “Giữa biển có một dải cát dài, gọi là Bãi Cát Vàng, dài độ 400 dặm, rộng 20 dặm, đứng dựng giữa biển, từ cửa biển Đại Chiêm đến cửa Sa Vinh. Mỗi lần có gió Tây Nam thì thường thuyền các nước đi ở phía trong trôi dạt ở đấy; có gió Đông Bắc thì thường thuyền chạy ở ngoài cũng trôi dạt ở đấy, đều cùng chết đói hết cả, hàng hóa thì đều đến nơi đó. Họ Nguyễn mỗi năm vào tháng cuối mùa đông đưa 18 chiếc thuyền đến lấy hàng hóa, được phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ, súng đạn”¹⁸.

Chỉ một tư liệu này thôi đã nói được nhiều điều. Từ thế kỷ XVII, người Việt đã lui tới, vẽ bản đồ, đặt tên (rất Việt), khai thác và thực thi chủ quyền trên hai quần đảo. Loại tư liệu có căn cứ xác đáng như vậy Trung Quốc không hề có.

Sang thế kỷ XVIII, ghi chép của nhà bác học Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* còn cho biết chính quyền chúa Nguyễn đã khẳng định chủ quyền thông qua việc tổ chức quy củ các đơn vị chuyên trách thực thi công vụ trên hai quần đảo (Đội Hoàng Sa và Đội Bắc Hải), quy định rõ ràng về phiên chế, phân rõ địa phương thực hiện, quy trình, thủ tục và nhiệm vụ cụ thể: “Trước đây họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, luân phiên nhau hàng năm cứ vào tháng Ba nhận mệnh đi làm sai dịch, mang lương đủ ăn 6 tháng, đi bằng 5 chiếc thuyền câu nhỏ ra biển, ba ngày ba đêm mới đến đảo này... Lấy được hóa vật của tàu như gương, tiền bạc, đồ đồng, khối thiếc, khối chì, súng, đồ sứ, ngà voi, sáp ong, đồi mồi, hải sâm, vỏ ốc... rất nhiều. Đến tháng Tám thì về, vào cửa Eo, đến thành Phú Xuân để nộp. Căn định hạng xong mới cho đem bán riêng các thứ ốc vằn, hải ba, hải sâm, rồi lĩnh trở về”.

Những công việc của các đội đặc nhiệm này được quản lý rất chặt



Bản đồ do Đỗ Bá Công Đạo vẽ năm 1686 (trên quần đảo Hoàng Sa được ghi bằng chữ Nôm là Bãi Cát Vàng)

chẽ. Lê Quý Đôn đã tận mắt xem sổ ghi chép của một viên Cai đội tên là Thuyền và cho biết: “Năm Nhâm Ngọ lượng được 30 hốt bạc; năm Giáp Thân được 5.100 cân thiếc; năm Ất Dậu được 126 hốt bạc...”¹⁹.

Năm 1802, triều Nguyễn thành lập, xây dựng một chính quyền cai trị thống nhất từ Bắc chí Nam. Tiếp tục duy trì sự hiện diện và khai thác các nguồn lợi như các chúa Nguyễn, các hoàng đế đặc biệt quan tâm đến việc củng cố chủ quyền lãnh hải và trên các đảo, trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa. Các nhà nghiên cứu đã trưng ra được rất nhiều đoạn chính sử, các văn kiện chính thức (châu bản) và những chỉ dụ, sắc lệnh do hoàng đế trực tiếp ban ra về các công việc liên quan đến hai quần đảo, như việc vua Gia Long ra lệnh cho quân đội ra dựng mốc cắm cờ vào năm 1816, vua Minh Mệnh trực tiếp xử lý việc thưởng phạt đối với các sĩ quan và binh lính thực thi công vụ; trực tiếp phê duyệt kế hoạch xây chùa cùng việc phân bổ ngân sách và nhân lực thực hiện các

công việc đó...

Những căn cứ không thể xác đáng hơn là cùng với những tư liệu được ghi chép trong các bộ chính sử, các tư liệu trong kho lưu trữ, chủ quyền Việt Nam còn hiển hiện trong các tài liệu được lưu giữ trong dân như những di vật của tiền nhân là những người tham gia Đội Hoàng Sa và Đội Bắc Hải. Đó còn là những di tích như miếu thờ, nghi lễ tế sống các binh lính Hoàng Sa trước khi đi làm nhiệm vụ...

Có thể nói, đến thời Nguyễn, chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được thiết lập và thực thi một cách đầy đủ và toàn vẹn, không có sự tranh chấp nào. Chính vì vậy, khi đánh chiếm được Việt Nam, Pháp đã mặc nhiên đặt quyền quản lý của chính quyền đô hộ lên hai quần đảo. Người Pháp đã cho xây dựng các đài khí tượng, trạm quan trắc và cất đặt lính đồn trú trên các đảo.

Năm 1950, chính phủ Pháp chuyển giao quyền quản lý hai quần đảo cho chính phủ Quốc gia Việt Nam. Thủ hiến Trung phần Phan Văn Giao là người đứng ra tiếp nhận. Chỉ hơn một năm sau, vào tháng 8.1951, Tân Hoa xã Trung Quốc lên tiếng “khẳng định quyền của Trung Quốc đối với Tây Sa và Nam Sa”. Đây là lần đầu tiên Trung Quốc tuyên bố công khai về vấn đề này. Trước tình hình đó, ngày 7.9.1951, tại Hội nghị San Francisco, Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao của Chính phủ Quốc gia Việt Nam Trần Văn Hữu long trọng tuyên bố về chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Không có bất cứ sự phản đối nào trước lời tuyên bố đó. Trong khi đó, đối với ý kiến đề nghị giao hai quần đảo này cho CHND Trung Hoa đã bị bác với 48/51 phiếu chống.

Trong thời gian Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, hai quần đảo nằm phía nam vĩ tuyến 17 nên thuộc quyền quản lý của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã tiếp nhận quản lý, sắp

đặt lại đơn vị hành chính và liên tục có những tuyên bố và hành động chống lại các hành vi khiêu khích hoặc những yêu sách đòi chủ quyền của Trung Quốc.

Năm 1974, sau nhiều lần đột kích, Trung Quốc đã công khai dùng vũ lực chiếm các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa. Đây là hành vi trái với tất cả mọi luật pháp và công ước quốc tế về tự do lãnh thổ. Nhưng cũng từ đây, Trung Quốc ngày càng đẩy mạnh việc tuyên truyền, các biện pháp ngoại giao và gia tăng sức ép quân sự để đơn phương khẳng định chủ quyền của mình không chỉ trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà còn với cả phần lớn biển Đông thông qua yêu sách đường 9 đoạn. Năm 1988 Trung Quốc lại một lần nữa dùng vũ lực để chiếm các đảo Chữ Thập, Châu Viên, Ga Ven, Tư Nghĩa, Gạc Ma và Xu Bi thuộc quần đảo Trường Sa²⁰.

Chính phủ Việt Nam luôn kiên trì với đường lối sử dụng các biện pháp hòa bình và tôn trọng các điều ước quốc tế để giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, thông qua các tuyên bố của những người đứng đầu đất nước và thái độ của nhân dân, Việt Nam luôn tỏ rõ thái độ cương quyết bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của mình, không phải chỉ bằng lời nói mà bằng cả hành động khi cần thiết.

Kết luận

Biển Đông đang nóng lên. Cùng với những biện pháp quân sự, ngoại giao, truyền thông mà các bên có liên quan đều đang cố gắng đẩy mạnh, việc nghiên cứu để hiểu sâu sắc và xây dựng những luận cứ khoa học học cho việc khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là vô cùng cấp thiết.

Có thể nói, Trung Quốc đã đi trước Việt Nam khá lâu trong việc tập hợp lực lượng và tổ chức nghiên cứu để xây dựng luận chứng khoa học và cơ sở pháp lý về chủ quyền trung Quốc trên hai quần đảo mà họ gọi là Tây Sa và Nam Sa. Sự cố gắng đó đã được

thể hiện trong một bộ sách dày dặn với sự tham gia của đông đảo giới học giả Trung Quốc. Tuy nhiên, cho đến nay, những luận lý đưa ra ngày càng bộc lộ những nhược điểm và hạn chế. Tư liệu được tập hợp và trích dẫn phần nhiều bị cắt xén, gán ghép và giải thích tư biện và khiên cưỡng. Đó là chưa kể đến những mâu thuẫn giữa tư liệu này và tư liệu khác. Không phải ngẫu nhiên mà trong giới học giả quốc tế ngày càng có nhiều người phản bác luận lý của Trung Quốc. Thậm chí ngay cả học giả Trung Quốc cũng đã có người lên tiếng phê phán.

Trong khi đó, ở Việt Nam những cố gắng hết sức lớn lao của các cơ quan có trách nhiệm, giới nghiên cứu và của toàn thể nhân dân cả trong và ngoài nước trong việc sưu tầm, biên tập tài liệu và công bố những kết quả nghiên cứu rất đáng ghi nhận, khiến cho luận cứ khoa học và căn cứ pháp lý về chủ quyền của Việt Nam ngày càng dày dặn thêm.

Như một chân lý khách quan, Hoàng Sa và Trường Sa là hai quần đảo của Việt Nam nên những tư liệu và chứng cứ khẳng định chủ quyền của Việt Nam cũng với thời gian ngày càng trở nên rõ ràng và phong phú. Trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh hải và trên hai quần đảo này, giới khoa học giữ một vai trò vô cùng quan trọng ■

Chú thích và tài liệu tham khảo

¹ 韩振华 (主编): 我國南海諸島史料匯編. 厦門大學南洋研究院出版 1985 年.

東方出版社 1988 年 7 月第 1 版.

² Phần lớn các tài liệu này đều được dẫn lại trong sách Thái Bình ngự lãm (太平御覽,) của Lý Phương, được biên soạn vào thời Tống, muộn hơn thời của các nguyên tác.

³ 韩振华 (主编), Sách đã dẫn tr. 33-37.

⁴ Có thể xem thêm Lưu Văn Lợi: *Cuộc tranh chấp Việt - Trung về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, NXB Công an Nhân dân, 1995; Roderik Ptak: *Các đảo ở biển Đông theo các tài liệu của Trung Quốc*; Hồ Bạch Thảo: *Phản biện lập luận của nhà nghiên cứu Hàn Chấn Hoa về lãnh vực sử địa cổ có liên quan đến biển Đông được đề cập trong tác phẩm Ngã quốc nam hải*

chư sảo sử liệu hồi biên...

⁵ J.M. Buch: *La Compagnie des Indes Neerlandaises et l'Indochine*. Bulletin de l' Ecole Francaise d' Extrême Orient, tome XXXVI, 1936, p.134.

⁶ Jean Yves Clayes: *Mystère des atolls - Journal de voyage aux Paracels*. Indochine No 46-1941.

⁷ Dẫn lại theo G. Taboulet: *La geste Francaise en Indochine*, tome I, Paris 1955, p.145 -151.

⁸ Bulletin des Amis du vieux Hué, 1923, p.275.

⁹ Jean Louis Taberd: *Note on the Geography of Cochinchina*. Journal of the Asiatic Society of Bengal, tome VI, 1837, p.745.

¹⁰ K. Gutzlaff: *Geography of the Cochinchinese Empire*. The Journal of the Royal Geographical Society of London, tome 19, 1849, p.93.

¹¹ Adriano Balbi: *Compendio di Geografia*, Livorno 1854, p.641.

¹² 釋大汕: 海外記事. 中華書局, 1987, 上冊, 卷三

^{13, 19} Lê Quý Đôn: *Toàn tập, tập I (Phủ Biên tạp lục)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 115-116.

¹⁴ Báo cáo của Toàn quyền Đông Dương gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, dẫn theo Monique Chemillier - Gendreau: *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, phụ lục số 5 (La souveraineté sur les archipels Paracels et Spratleys. L'Harmattan Paris, 3/1996)*. NXB Chính trị quốc gia (Sự thật), 2011.

¹⁵ Dẫn theo *Trung Quốc từng luôn thừa nhận "Hoàng Sa là của Việt Nam"* đăng trên Infonet (Bộ Thông tin và Truyền thông, ngày 4.5.2013).

¹⁶ 韩振华 (主编): 我國南海諸島史料匯編. 厦門大學南洋研究院出版 1985 年.

東方出版社 1988 年 7 月第 1 版, tr.115.

¹⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*. NXB Giáo dục, T4, tr.673.

¹⁸ Dẫn theo Nguyễn Nhã: *Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*. NXB Giáo dục, 2013, tr. 40.

²⁰ Những chi tiết cụ thể về các nguồn tài liệu rất phong phú về chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có thể tham khảo thêm công trình của các tác giả Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Nhã, Nguyễn Hồng Thao, Trần Công Trục...